

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 8 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
TỈNH THANH HÓA**

(Phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2026, năm ngày phát hành một kỳ)

1. Diễn biến tình hình thủy văn từ ngày 11-15/8/2026

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Mức nước trên các sông biến đổi chậm.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều): Mức nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): Mức nước dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: Mức nước dao động theo thủy triều. Mức nước lớn nhất xuất hiện vào ngày 12/8 và mức nước nhỏ nhất xuất hiện ngày 12/8.

Mức nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

2. Dự báo, cảnh báo thủy văn từ ngày 16-20/8/2026

Trong tuần, mức nước trên các sông dao động lên và có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ nhỏ. Đỉnh lũ dao động ở mức xấp xỉ với BĐ1. Hạ lưu sông Chu mức nước dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng mưa lớn cục bộ có thể gây lũ quét trên các sông suối nhỏ, sạt lở đất trên sườn dốc và ngập úng khu vực trũng thấp, các khu đô thị.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Lũ quét, sạt lở, sụt lún đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng, tài sản của người dân; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế, gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế-xã hội, gây tắc nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 21/8/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 16/8/2026

Dự báo viên: Nguyễn Danh Lam

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo 05 ngày qua			Dự báo		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16688	16751	16629	16830	17000	16635
-	Hồi Xuân	5585	5638	5546	5730	5900	5555
-	Cầm Thủy	1358	1404	1315	1500	1600	1325
-	Lý Nhân	386	430	339	550	700	345
-	Giàng	75	199	-44	100	180	-20
-	Quảng Châu	27	179	-119	40	150	-90
Lên	Lên	124	250	4	150	230	25
-	Cụ Thôn	103	233	-12	130	205	10
Âm	Lang Chánh	4700	4704	4698	4750	4850	4699
Chu	Cửa Đạt	2742	2751	2731	2745	2760	2730
-	Bái Thượng	1076	1126	1020	1085	1150	1025
-	Xuân Khánh	143	185	105	160	220	120
Bưởi	Thạch Quảng	714	751	658	900	1100	690
-	Kim Tân	405	462	353	650	800	350
Yên	Chuối	49	120	-32	70	180	-10
-	Ngọc Trà	24	127	-97	40	100	-70

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo



